

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Tiến.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Liêu Thị C, sinh ngày 01/01/1988; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số 305/27/6, RCX, khóm BD 6, phường BD, Th phố LX, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Liêu Tấn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Chồng: Tăng Văn B (đã chết); Con ruột: 08 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 22/12/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Hiện chưa chấp hành hình phạt. Ngày 29/6/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản. Hiện chưa chấp hành hình phạt.

Nhân thân: Ngày 03/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện G D, thành phố Tây Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 30/12/2009 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 08/02/2019 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Người bị hại: Chị Trần Ngọc L, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Số 1184, đường 30 Tháng 4, khu phố 2, phường VT, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

* Người làm chứng:

+ Ông Lâm Xuân T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Số 1018, đường 30 Tháng 4, khu phố 2, phường VT, TP. G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

+ Bà Phan Hồng H1, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Số 1018, đường 30 Tháng 4, khu phố 2, phường VT, TP. G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Số 1184, đường 30 Tháng 4, khu phố 2, phường VT, TP. G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Liêu Thị C là người có hai tiền án về tội Cướp giật tài sản và đều được hoãn chấp hành án do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Vào khoảng 20 giờ ngày 07/02/2019, do không có tiền tiêu xài nên C nảy sinh ý định đi vào khu vực chợ đêm trước Công viên văn hóa An Hòa, thuộc phường AB, thành phố G, tìm người có tài sản sơ hở để lấy trộm. Lúc này, C thấy chị Trần Ngọc L đang đứng trước 01 gian hàng bán phụ kiện điện thoại, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền nên C liền đi đến tìm cách giật sợi dây chuyền của chị L. Lúc này, lợi dụng lúc chị L không chú ý, C liền từ phía sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 3,81 chỉ trên cổ chị L. Bị giật sợi dây chuyền, chị L liền quay lại thì thấy C đang cầm sợi dây chuyền trên tay nên liền bắt giữ C lại và tri hô. Ngay lúc này, anh Lâm Xuân T đang đứng gần đó liền chạy đến cùng chị L bắt giữ C. Trong lúc giằng co C đã bỏ sợi dây chuyền của chị L xuống đất. Sau đó, lực lượng Công an phường AB đến bắt giữ C cùng tang vật. Sau khi bị bắt và trong thời gian tạm giữ, C không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai tên là Nguyễn Thị Huỳnh H2. Tuy nhiên, quá trình điều tra C đã khai tên thật của mình là Liêu Thị C và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đến ngày 16/02/2019, Liêu Thị C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố G khởi tố tạm giam để điều tra. Tại Cơ quan điều tra C đã thừa nhận toàn bộ hành vi Cướp giật tài sản của mình.

- Về vật chứng trong vụ án:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng khoen lật, bị đứt tại ngay khoen lật, đã được niêm phong.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số imei 356971098438932, đã qua sử dụng.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-TCKH ngày 22/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố G, kết luận: 01(một) sợi dây chuyền bằng vàng, loại 18k, trọng lượng 3,81 chỉ, dạng kiểu khoen lật, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là: 10.137.648đ (Mười triệu một trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng).

- Tại Bản kết luận giám định số: 173/KL-KTHS, ngày 15/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận như sau :

Dấu vân tay in trên Chỉ bản số 35, lập ngày 09/02/2019, tại Công an thành phố G, ghi họ tên: Nguyễn Thị Huỳnh H2, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp T P, xã TQT, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng với dấu vân tay in trên Tờ khai chứng minh nhân dân, số

352466068, họ tên: Liêu Thị C, sinh ngày 01/01/1988, nơi ĐKKHKT: Số 512/13B ĐH, ĐX, LX, An Giang (bản phô tô có đóng dấu sao y bản chính của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Công an tỉnh Kiên Giang) và dấu vân tay in trên giấy chứng minh nhân dân số 352466068, họ tên Liêu Thị C, sinh ngày 01/01/1988, nơi ĐKKHKT: BD 6, BD, LX, An Giang (bản photocopy) là của cùng một người.

- Về xử lý vật chứng:

+ Ngày 05/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã trao trả lại tài sản cho chị Trần Ngọc L 01 (một) Sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng kiểu khoen lật, bị đứt tại ngay khoen lật, đã qua sử dụng.

+ Ngày 05/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã trao trả lại tài sản cho Liêu Thị C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số imei 356971098438932, đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 130/CT-VKSTPRG ngày 22/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Liêu Thị C về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Liêu Thị C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Thị L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Bị cáo C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội Cướp giật tài sản, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G đã truy tố. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến gì khác.

Tại phần nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, lao động nuôi các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 07/02/2019, tại gian hàng bán phụ kiện điện thoại trong chợ đêm trước Công viên văn hóa An Hòa, thuộc phường AB, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, Liêu Thị C nhìn thấy chị Trần Ngọc L đang đeo trên cổ 01 sợi dây chuyền bằng vàng, dạng kiểu khoen lật, Liêu Thị C nhanh chóng dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng nêu trên thì bị chị L phát hiện và bị bắt quả tang cùng tang vật. Qua giám định 01 (một) sợi dây chuyền nêu trên là dây chuyền bằng vàng, loại 18k, trọng lượng 3,81 chỉ, dạng kiểu khoen lật, có giá trị còn lại là 10.137.648 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Liêu Thị C đã thừa nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản của người bị hại Trần Ngọc L như đã nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai của người bị hại, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản thành phố G, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã giật được tài sản của người bị hại, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được có giá trị là 10.137.648 đồng. Tuy nhiên, do vào ngày 22/12/2016 bị cáo C đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 6 tháng tù. Ngày 29/6/2018 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm 06 tháng tù, cùng về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đang được hoãn thi hành án do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; trong đó lần kết án ngày 29/6/2018 bị cáo đã bị áp dụng tình tiết “tái phạm”. Đến ngày 07/02/2019 bị cáo C tiếp tục thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”, nên lần phạm tội này bị cáo C thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự.

Do đó, hành vi của bị cáo Liêu Thị C đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động, bị cáo đã bất chấp những quy định của pháp luật và hậu quả xảy ra để thực hiện bằng được hành vi phạm tội; bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, không chú ý của người bị hại trong việc quản lý tài sản, rồi bất ngờ giật lấy tài sản và nhanh chóng tẩu thoát; hành vi của bị cáo đã xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây ra sự hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý và bảo vệ tài sản, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, mặc dù đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về hành vi cướp giật tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự không hướng thiện, cũng như ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, răn đe nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố G về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo là người không có nghề nghiệp và mức thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trong quá trình điều tra, vào ngày 05/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã trao trả lại tài sản cho chị Trần Ngọc L 01 (một) Sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng kiểu khoen lật, bị đứt tại ngay khoen lật, đã qua sử dụng. Ngày 05/5/2019 đã trao trả lại tài sản cho Liêu Thị C **01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số imei 356971098438932**, đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX miễn xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Ngọc L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Liêu Thị C phạm tội “Cướp giật tài sản”.
2. Áp dụng: điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Liêu Thị C 03 năm 06 tháng tù (Ba năm sáu tháng tù). Tổng hợp hình phạt 04 năm tù (Bốn năm tù) theo Bản án hình sự phúc thẩm số 38/2018/HS-PT ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, về tội “Cướp giật tài sản”, buộc bị cáo Liêu Thị C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 năm 06 tháng tù (Bảy năm sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/02/2019.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho người bị hại Trần Ngọc L 01 (một) Sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng kiểu khoen lật, bị đứt tại ngay khoen lật, đã qua sử dụng. Ngày 05/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã trao trả xong.

Trả lại cho Liêu Thị C **01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số imei 356971098438932**. Ngày 05/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã trao trả xong.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Ngọc L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Liêu Thị C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. G;
- Công an TP. G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa